TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung
2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Thúy K, sinh năm 1982.

- *Bị đơn*: Anh Hồ Vũ T, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Tổ 36, khu C, TT. L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị K, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2018 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy K trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ Vũ T xây dựng gia đình vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó anh T có quan hệ tình cảm với người khác, cũng vì lý do này mà năm 2012 chị có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sau đóvì gia đình và con cái nên chị nhiều lần bỏ qua nhưng anh T không sửa đổi mà vẫn tiếp tục quan

hệ tình cảm với người phụ nữ khác vào đầu năm 2018, chị biết được do có những tin nhắn qua lại với nhau và người phụ nữ tên D cũng thừa nhận có quan hệ tình cảm với anh T. Từ ngày 25/5/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Hồ Kiều N, sinh ngày 11/02/2007 và Hồ Thiên A, sinh ngày 22/5/2014. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu N và A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 26/6/2018, ngày 27/7/2018, biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2018 bị đơn anh Hồ Vũ T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị Thúy K là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L ngày 06/6/2005. Trong quá trình chung sống, sống hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng không có, chỉ có việc chị K không tin tưởng anh cho rằng anh có quan hệ tình cảm với người khác. Trước đây chị K cũng có nộp đơn xin ly hôn khoảng năm 2015 vì lý do này, sau đó anh năn nỉ vợ anh rút đơn về. Anh có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác trong khoảng vài hôm từ giữa tháng 01/2018 vừa qua, nội dung tin nhắn có thể hiện tình cảm qua lại với người phụ nữ tên thường gọi là D. Anh nghĩ việc nhắn tin này chỉ nhắn cho vui chứ không có ý quan hệ yêu đương với người khác ngoài vợ mình. Sau khi nhắn tin được vài ngày vợ anh phát hiện từ đó đến nay anh cũng không liên lạc gì nữa. Anh biết mình có lỗi khi nhắn tin tình cảm với người phụ nữ khác nên im lặng biết lỗi. Những nội dung tin nhắn do chị K cung cấp cho Tòa án là đúng sự thật, chị K cung cấp nội dung của chị D đưa cho chị K là đúng sự thật. Anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị K nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Hồ Kiều N, sinh ngày 11/02/2007 và Hồ Thiên A, sinh ngày 22/5/2014. Ly hôn chị K yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu N và A, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị K, anh T; giấy chứng nhận kết hôn;; giấy khai sinh của cháu Hồ Kiều N và Hồ Thiên A; bản tự khai của các đương sự; biên bản lấy lời khai anh T; thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản xác minh tại địa phương; đơn đề nghị về việc xin vắng mặt của các đương sự.

Các tình tiết các bên thống nhất: Về con chung: Trường hợp ly hôn chị K yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu A, không yêu cầu anh T cấp

dưỡng, anh T đồng ý. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Các bên khai không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật. Có 02 con chung có hai con chung tên Hồ Kiều N, sinh ngày 11/02/2007 và Hồ Thiên A, sinh ngày 22/5/2014.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị K ly hôn anh T. Về con chung: chấp nhận yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của chị K, giao cháu N và cháu A cho chị K nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy K và bị đơn anh Hồ Vũ T; chị K, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị K, anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K, anh T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 387, quyển số 2 ngày 06/6/2005 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống chị K cho rằng phát sinh mâu thuẫn từ việc anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh không sửa đổi, anh T cho rằng vợ chồng không có gì mâu thuẫn chỉ từ việc chị K không tin tưởng anh nên mới xin ly hôn.

Xét ý kiến của chị K là có cơ sở, các đương sự xác định chị K đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án, anh T có năn nỉ để chị rút đơn đoàn tụ. Nay chị K tiếp tục nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn lý do anh có quan hệ tình cảm với người khác, anh T thừa nhận nội dung những tin nhắn và tờ giấy viết tay do chị

K cung cấp là tin nhắn giữa anh và người phụ nữ khác có quan hệ tình cảm với nhau. Chị K yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ thì anh T yêu cầu giải quyết vắng mặt do anh bận công việc. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng từ khi chị K nộp đơn ly hôn đến nay anh không có biện pháp để vợ chồng khắc phục sửa chữa, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh T là có cơ sở chấp nhận vì mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt; Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, xử cho chị K được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Kiều N, sinh ngày 11/02/2007 và Hồ Thiên A, sinh ngày 22/5/2014. Chị K có yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là cháu N và A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, anh T có ý kiến đồng ý. Do đó giao hai N và A cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thúy K về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Hồ Vũ T, xử cho chị Huỳnh Thị Thúy K được ly hôn anh Hồ Vũ T.

Về con chung: Xử giao cháu Hồ Kiều N, sinh ngày 11/02/2007 và Hồ Thiên A, sinh ngày 22/5/2014 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 002342 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị K đã nộp xong án phí.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND TT. L
GCNKH số 387 ngày 06/6/2005 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An